

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

**Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
đã được kiểm toán**

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc Công ty Cổ Phần City Auto (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán.

Công ty Cổ Phần City Auto (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307979603 ngày 09/3/2009 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 9 ngày 17/12/2015 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề của Công ty:

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống). Chi tiết: bán lẻ ô tô;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Chi tiết: hoạt động của đại lý bảo hiểm.
- Các ngành nghề khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hình thức sở hữu vốn

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 180.000.000.000 VND

Vốn góp của các cổ đông đến ngày 31/12/2017: 180.000.000.000 VND

Hội đồng quản trị Công ty gồm:

Ông	: Trần Ngọc Dân	Chủ tịch HĐQT
Ông	: Trần Lâm	Thành viên
Ông	: Trần Trung Chánh	Thành viên
Ông	: Võ Thanh Phong	Thành viên
Ông	: Nìm Vuồn Phú	Thành viên

Ban Tổng giám đốc Công ty gồm:

Ông	: Trần Trung Chánh	Tổng Giám đốc
Ông	: Nguyễn Hoàng Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Bà	: Lê Thị Phú	Giám đốc tài chính

Ban kiểm soát gồm:

Bà	: Phạm Thị Mỹ Dung	Trưởng ban
Bà	: Nguyễn Thị Tâm	Thành viên
Bà	: Lê Thị Thương Thương	Thành viên

Các sự kiện sau ngày lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

Số: ~~186~~.../BCKT/TC/2018/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc
Công ty Cổ Phần City Auto

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần City Auto, được lập ngày 01 tháng 3 năm 2018, từ trang 07 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra các ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. HCM, ngày 22 tháng 3 năm 2018

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế Toán

và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng Giám Đốc



LÊ VĂN TUẤN

Số Giấy CNDKHNKT 0479-2018-142-1

Kiểm toán viên

LÊ VĂN THẮNG

Số Giấy CNDKHNKT 0974-2018-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		624.722.880.664	507.835.176.085
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	13.102.604.317	9.082.072.979
1. Tiền	111		13.102.604.317	9.082.072.979
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		350.149.334.821	213.892.616.854
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	153.709.892.251	171.669.032.026
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		13.675.423.862	11.850.840.487
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03a	182.377.096.329	30.122.103.235
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(121.456.544)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.04	386.922.379	372.097.650
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.05	252.509.906.039	269.370.905.216
1. Hàng tồn kho	141		252.736.623.027	270.691.459.703
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(226.716.988)	(1.320.554.487)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		8.961.035.487	15.489.581.036
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06a	3.648.778.005	3.183.627.580
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.10	4.693.350.880	11.583.862.653
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	618.906.602	722.090.803
B. Tài sản dài hạn	200		164.910.689.131	171.693.492.511
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		46.512.675.499	46.757.425.499
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.03b	46.512.675.499	46.757.425.499
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		113.084.506.060	116.029.198.100
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	28.703.922.338	31.918.511.227
- Nguyên giá	222		44.263.810.594	43.831.919.525
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.559.888.256)	(11.913.408.298)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	84.380.583.722	84.110.686.873
- Nguyên giá	228		84.732.709.623	84.446.974.623
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(352.125.901)	(336.287.750)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		860.042.273	2.885.800.600
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		860.042.273	2.885.800.600
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		4.453.465.299	6.021.068.312
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06b	4.453.465.299	6.021.068.312
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		789.633.569.795	679.528.668.596

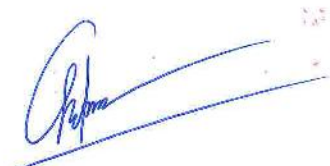
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

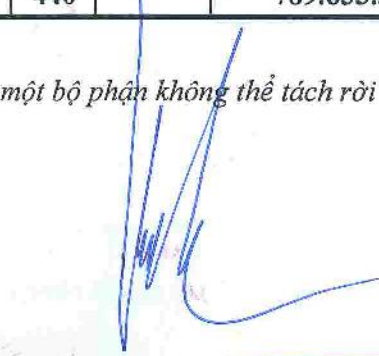
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. Nợ phải trả	300		559.677.890.911	452.697.114.232
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	310		558.422.890.911	449.661.740.051
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	35.248.801.197	35.951.168.037
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		12.151.559.586	17.382.597.193
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	1.439.017.237	2.612.668.066
4. Phải trả người lao động	314		3.790.890.880	7.861.633.544
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	2.140.755.196	1.342.410.298
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	11.148.943.303	13.146.621.579
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13a	489.846.078.889	370.139.050.111
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.14	2.656.844.623	1.225.591.223
<i>II. Nợ dài hạn</i>	330		1.255.000.000	3.035.374.181
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13b	1.255.000.000	780.000.000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	2.255.374.181
D. Vốn chủ sở hữu	400		229.955.678.884	226.831.554.364
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	410		229.955.678.884	226.831.554.364
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.15	180.000.000.000	180.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180.000.000.000	180.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.15	-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.15	6.019.792.133	3.134.891.059
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.15	1.121.899.985	407.699.493
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.15	27.615.936.902	27.949.282.459
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.907.730.359	913.784.784
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		22.708.206.543	27.035.497.675
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	V.16	15.198.049.864	15.339.681.353
<i>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</i>	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		789.633.569.795	679.528.668.596

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Võ Chí Tâm
Người lập biểu
Ngày 01 tháng 3 năm 2018



Lê Thị Phú
Giám đốc tài chính



Trần Trung Chánh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	3.444.250.580.566	3.246.728.225.791
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	2		10.321.036.204	10.449.770.166
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.433.929.544.362	3.236.278.455.625
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	3.284.848.432.396	3.053.614.402.615
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		149.081.111.966	182.664.053.010
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	27.423.421	54.333.160
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	23.338.134.799	14.266.742.418
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23.338.134.799	14.266.742.418
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.05	110.316.406.022	112.543.764.715
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	52.699.569.848	47.242.304.917
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(37.245.575.282)	8.665.574.120
11.	Thu nhập khác	31	VI.07	59.279.456.241	24.368.391.891
12.	Chi phí khác	32	VI.08	415.846.738	1.461.816.813
13.	Lợi nhuận khác	40		58.863.609.503	22.906.575.078
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.618.034.221	31.572.149.198
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	1.142.363.177	4.096.000.093
16.	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52		(2.255.374.181)	(395.925.819)
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.731.045.225	27.872.074.924
18.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		22.708.206.543	27.035.497.675
19.	Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		22.838.682	836.577.249
20.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.183	1.421
21.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Võ Chí Tâm

Người lập biểu

Ngày 01 tháng 3 năm 2018



Lê Thị Phú

Giám đốc tài chính



Trần Trung Chánh

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	21.618.034.221	31.572.149.198
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	7.727.483.042	5.103.771.146
Các khoản dự phòng	03	(1.215.294.043)	(5.738.821.464)
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.566.546)	329.721.146
Chi phí lãi vay	06	23.338.134.799	14.266.742.418
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	51.466.791.473	45.533.562.444
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(128.896.815.449)	(82.961.655.320)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	17.954.836.676	(164.913.037.366)
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(11.428.117.319)	36.142.462.402
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	1.102.452.588	(4.417.975.659)
Tiền lãi vay đã trả	14	(23.338.134.799)	(14.266.742.419)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.250.344.481)	(2.855.365.098)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	150.000.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(171.400.000)	(156.550.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(95.410.731.311)	(187.895.301.016)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(17.720.391.996)	(27.679.680.517)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	14.937.502.446	5.952.457.942
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	27.423.421	54.333.160
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.755.466.129)	(21.672.889.415)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	2.896.818.663.650	2.573.870.122.509
Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.776.636.634.872)	(2.362.606.216.822)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(17.995.300.000)	(9.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	102.186.728.778	202.263.905.687
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	4.020.531.338	(7.304.284.744)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	9.082.072.979	16.386.357.723
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	13.102.604.317	9.082.072.979

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Võ Chí Tâm

Người lập biểu

Ngày 01 tháng 3 năm 2018



Lê Thị Phú

Giám đốc tài chính



Trần Trung Chánh

Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1- Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần City Auto (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307979603 ngày 09/3/2009 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 9 ngày 17/12/2015 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.

Công ty đã được chấp thuận là công ty đại chúng theo Công văn số 6315/UBCK-GSDC ngày 19/9/2016 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

2- Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: Thương mại – Dịch vụ

3- Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống). Chi tiết: bán lẻ ô tô;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Chi tiết: hoạt động của đại lý bảo hiểm.
- Các ngành nghề khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

Không có thay đổi nào làm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các Chi nhánh hoạt động như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng đặt tại Lô F3, đường K1, Khu công nghiệp Cát Lái, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Bà Rịa đặt tại Quốc lộ 51, phường Phước Trung, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-002;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Vũng Tàu đặt tại số 40A, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-004.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 02 đặt tại 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-003.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Trong năm 2017, Công ty áp dụng chế độ kế toán theo thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các thông tin so sánh đã được kiểm tra, phân loại phù hợp với số liệu cuối năm.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Công ty áp dụng theo phạm vi điều chỉnh tại điều 2 thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn việc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính, không áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp đối với ngân sách Nhà nước.

2- Tuyên bố việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh, kể cả việc đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp đang hoạt động, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ ra “đồng Việt Nam” theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ

2. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.



3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm, trạng thái hiện tại.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Công ty tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Riêng đối với hàng hóa là các loại xe ô tô giá xuất được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4- Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hoá thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo qui định tại Thông tư 45/2013/TT -BTC của Bộ Tài Chính.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận ban đầu theo giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Phần mềm kế toán

Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian ước tính như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
- Nhà cửa vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 06 năm

- | | |
|-----------------------------|-------------|
| - Phương tiện vận tải | 05 - 06 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |

5- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh nhiều năm.

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần quá lớn...

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý;

Các chi phí trả trước có giá trị lớn cần được phân bổ dần trong nhiều quý nhưng không quá 01 năm tài chính hoặc không quá 01 chu kỳ sản xuất thông thường được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn. Còn các chi phí trả trước trên 12 tháng hoặc trên 01 chu kỳ sản xuất thông thường thì được trình bày là chi phí trả trước dài hạn.

6- Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần City Auto và các Công ty con (Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ và Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang) vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Các báo cáo tài chính của Công ty con đã được lập cho cùng kỳ tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Nhóm Công ty theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

7- Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm lập báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi đó phát sinh, nếu có chênh lệch giữa số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả được lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

10- Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, kế toán phải theo dõi chi tiết nguyên tệ.

Phân loại các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính:

- Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn.
- Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

11- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý và phân phối theo quy định tại điều lệ Công ty.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13- Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

14- Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý

Các chi phí quản lý chung chỉ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, lệ phí môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

15- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Số thuế thể hiện trên các báo cáo tài chính là số dự kiến phải nộp dựa trên sổ sách kế toán, số thuế cụ thể phải nộp sẽ được điều chỉnh khi cơ quan thuế kiểm tra quyết toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16- Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

17- Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18- Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19- Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Theo thông tư 210/2009/TT-BTC, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua.

Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo thông tư 210/2009/TT-BTC, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.



CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng
Tiền mặt	2.223.247.145	-	1.687.797.432	-
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	1.612.297.358	-	1.231.796.698	-
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	358.953.768	-	25.246.038	-
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	251.996.019	-	430.754.696	-
Tiền gửi ngân hàng	10.879.357.172	-	7.394.275.547	-
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	3.858.130.350	-	3.541.193.241	-
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	2.334.862.570	-	2.965.991.271	-
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	4.686.364.252	-	887.091.035	-
Cộng	13.102.604.317	-	9.082.072.979	-
2. Phải thu của khách hàng	Số cuối năm		Số đầu năm	
Ngắn hạn				
- Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% trên tổng phải thu khách hàng)	153.617.892.251	-	171.270.655.306	-
- Phải thu Bên liên quan (Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô)	92.000.000	-	398.376.720	-
Cộng	153.709.892.251	-	171.669.032.026	-
3. Phải thu khác	Số cuối năm		Số đầu năm	
a) Ngắn hạn				
- Phải thu khác từ Công ty Ford Việt Nam	34.057.274.037	-	17.714.051.964	-
- Phải thu khác từ Công ty TNHH SX XD TM Hưng Nhân	1.421.636.364	-	-	-
- Phải thu khác từ Ông Trần Ngọc Dân	1.150.000.000	-	-	-
- Phải thu khác từ Ông Trần Lâm	2.583.055.556	-	-	-
- Phải thu khác Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	134.088.221.526	-	5.137.000.000	-
- Các khoản tạm ứng	4.863.003.880	-	2.908.017.424	-
- Ký quỹ ngắn hạn khác	91.514.560	-	238.142.780	-
- Các khoản phải thu khác	4.122.390.406	-	4.124.891.067	-
Cộng	182.377.096.329	-	30.122.103.235	-
b) Dài hạn				
- Ký quỹ thuê văn phòng Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	42.434.102.400	-	42.434.102.400	-
- Ký quỹ dài hạn khác	4.078.573.099	-	4.323.323.099	-
Cộng	46.512.675.499	-	46.757.425.499	-
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng
Tại Công ty CP City Auto				
- Tạm ứng ở CN Bà Rịa	-	-	34.700.651	-
- Hàng tồn kho	384.962.347	-	334.448.427	-
Tại Công ty CP Ô tô Nha Trang				
- Hàng tồn kho	1.960.032	-	2.948.572	-
Cộng	386.922.379	-	372.097.650	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công cụ dụng cụ	3.089.155	-	3.278.104	-
- Chi phí sản xuất dở dang	2.281.446.364	-	1.809.689.976	-
- Hàng hóa (5.1)	250.452.087.508	(226.716.988)	268.878.491.623	(1.320.554.487)
Cộng	252.736.623.027	(226.716.988)	270.691.459.703	(1.320.554.487)

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chủ yếu là giá trị vật tư, phụ tùng thay thế đã thay thế, lắp ráp vào xe của khách hàng, chờ hoàn thành, quyết toán.

(5.1) Chi tiết hàng hóa tồn kho:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xe các loại	208.281.707.732	232.248.073.255
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	121.965.228.201	123.381.146.441
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	72.244.356.806	65.428.063.183
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	14.072.122.725	43.438.863.631
Phụ tùng, phụ kiện	42.170.379.776	36.630.418.368
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	20.743.427.847	19.648.636.369
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	11.321.728.953	8.605.012.272
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	10.105.222.976	8.376.769.727
Cộng	250.452.087.508	268.878.491.623

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

- Số dư đầu năm	(1.320.554.487)
- Hoàn nhập dự phòng	1.093.837.499
- Số dư cuối năm	(226.716.988)

6. Chi phí trả trước**a) Ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	899.437.185	1.025.447.376
- Vật tư sơn chờ kết chuyển	600.788.676	478.903.566
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển	2.148.552.144	1.679.276.638
Cộng	3.648.778.005	3.183.627.580

b) Dài hạn

- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	3.991.038.918	4.592.339.459
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển	462.426.381	1.428.728.853
Cộng	4.453.465.299	6.021.068.312

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

7. Tài sản cố định hữu hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá				
Nhà cửa, vật kiến trúc	8.575.965.547	287.334.000	-	8.863.299.547
Máy móc, thiết bị	14.443.402.934	-	60.933.520	14.382.469.414
Phương tiện vận tải	20.078.903.336	18.972.511.323	18.967.590.734	20.083.823.925
Thiết bị, dụng cụ quản lý	733.647.708	200.570.000	-	934.217.708
Cộng	43.831.919.525	19.460.415.323	19.028.524.254	44.263.810.594
Khấu hao lũy kế				
Nhà cửa, vật kiến trúc	5.511.953.594	682.149.744	-	6.194.103.338
Máy móc, thiết bị	3.771.979.495	1.893.330.337	40.135.689	5.625.174.143
Phương tiện vận tải	2.199.337.791	5.033.064.496	4.025.029.244	3.207.373.043
Thiết bị, dụng cụ quản lý	430.137.418	103.100.314	-	533.237.732
Cộng	11.913.408.298	7.711.644.891	4.065.164.933	15.559.888.256
Giá trị còn lại				
Nhà cửa, vật kiến trúc	3.064.011.953			2.669.196.209
Máy móc, thiết bị	10.671.423.439			8.757.295.271
Phương tiện vận tải	17.879.565.545			16.876.450.882
Thiết bị, dụng cụ quản lý	303.510.290			400.979.976
Cộng	31.918.511.227			28.703.922.338

Tài sản cố định hữu hình tăng trong năm do mua sắm mới, giảm do nhượng bán.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 5.206.205.513 đồng.

8. Tài sản cố định vô hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623	-	-	84.022.474.623
Phần mềm	424.500.000	285.735.000	-	710.235.000
Cộng	84.446.974.623	285.735.000	-	84.732.709.623
Khấu hao lũy kế				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Phần mềm	336.287.750	15.838.151	-	352.125.901
Cộng	336.287.750	15.838.151	-	352.125.901
Giá trị còn lại				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623			84.022.474.623
Phần mềm	88.212.250			358.109.099
Cộng	84.110.686.873			84.380.583.722

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 284.850.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

9. Phải trả người bán ngắn hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH Ford Việt Nam	10.237.264.595	10.237.264.595	10.758.600.872	10.758.600.872
- Công ty TNHH Minh Long	9.218.430.650	9.218.430.650	392.890.700	392.890.700
- Phải trả các bên liên quan				
+ Công ty CP TĐ Tân Thành Đô	10.021.011.407	10.021.011.407	19.148.654.263	19.148.654.263
- Các đối tượng khác	5.772.094.545	5.772.094.545	5.651.022.202	5.651.022.202
Cộng	35.248.801.197	35.248.801.197	35.951.168.037	35.951.168.037

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a) Phải nộp	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
	- Thuế GTGT phải nộp	42.066.351	1.896.610.097	1.894.817.410
- Thuế TNDN	2.305.057.343	1.142.363.177	2.354.544.082	1.092.876.438
- Thuế TNCN	265.544.372	2.637.380.354	2.600.642.965	302.281.761
- Thuế khác	-	11.000.000	11.000.000	-
Cộng	2.612.668.066	5.687.353.628	6.861.004.457	1.439.017.237

b) Phải thu	Số đầu năm	Giảm	Tăng	Số cuối năm
	- Thuế GTGT còn được khấu trừ	11.583.862.653	352.565.307.852	345.674.796.079
- Thuế TNDN	718.166.738	235.838.780	131.639.179	613.967.137
- Thuế TNCN	3.924.065	200.784.193	201.799.593	4.939.465
Cộng	12.305.953.456	353.001.930.825	346.008.234.851	5.312.257.482

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trích trước chi phí đào tạo trả cho Công ty Ford Việt Nam	610.828.865	578.310.975
- Trích trước chi phí thuê ngoài gia công	831.178.000	-
- Chi phí phải trả khác	698.748.331	764.099.323
Cộng	2.140.755.196	1.342.410.298

12. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tài sản thừa chờ xử lý ở Công ty CP City Auto	232.524.265	101.498.786
- Chi hộ Công ty Ford Việt Nam cho nhân viên bán hàng	2.312.283.080	3.159.806.866
- Phải trả Công ty Cổ Phần Tập đoàn Tân Thành Đô	-	3.900.000
- Phải trả Ông Nguyễn Đăng Hoàng	-	874.039.641
- Phải trả Ông Nguyễn Hoàng Minh Tiến	2.715.895.641	-
- Phải trả Công ty TNHH Ô tô VW Nha Trang	1.420.000.000	3.700.000.000
- Phải trả khách hàng tiền đặt cọc	133.925.050	1.030.498.458
- Phải trả cổ tức	4.700.000	-
- Các khoản phải trả khác	4.329.615.267	4.276.877.828
Cộng	11.148.943.303	13.146.621.579

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

13. Vay và nợ thuê tài chính

		Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
a. Ngắn hạn		370.139.050.111	2.893.643.663.650	2.773.936.634.872	489.846.078.889
- NH Ngoại thương	(13.1)	187.934.820.611	1.131.963.553.500	1.158.046.307.846	161.852.066.265
- NH Bảo Việt	(13.2)	89.376.340.000	681.993.906.400	610.306.269.000	161.063.977.400
- NH Quân đội	(13.3)	67.718.889.500	400.373.545.000	411.549.508.000	56.542.926.500
- NH Quốc tế	(13.4)	-	111.488.653.750	77.396.510.750	34.092.143.000
- NH Công Thương	(13.5)	22.700.000.000	434.487.498.000	446.810.059.276	10.377.438.724
- NH HD		1.929.000.000	23.065.000.000	24.994.000.000	-
- NH Xuất nhập khẩu	(13.6)	-	22.906.412.000	-	22.906.412.000
- NH VN Thịnh Vượng	(13.7)	-	86.525.095.000	44.353.980.000	42.171.115.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả					
+ NH Ngoại thương	(13.1)	480.000.000	840.000.000	480.000.000	840.000.000
b. Dài hạn		780.000.000	4.015.000.000	3.540.000.000	1.255.000.000
- NH Ngoại thương	(13.1)	780.000.000	4.015.000.000	3.540.000.000	1.255.000.000
Cộng		370.919.050.111	2.897.658.663.650	2.777.476.634.872	491.101.078.889

Cho đến ngày 31/12/2017, Công ty không có khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

(13.1) Vay ngắn và dài hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại các chi nhánh sau:

(13.1.1) Khoản vay ngắn hạn do Công ty CP City Auto vay tại Chi nhánh Tp.HCM theo hợp đồng tín dụng số 01/CV-0083/KHDN1/17NH ngày 04/5/2017 với tổng hạn mức vay là 120 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 03/5/2018, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 03 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, Tp.HCM được quy định cụ thể tại các hợp đồng thế chấp kèm theo. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2017 là 119.832.284.000 đồng.

(13.1.2) Khoản vay ngắn hạn do Công ty CP ô tô Nha Trang vay tại chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng tín dụng số 2016/ONT2 ngày 23/11/2016 và hợp đồng gia hạn số 2018/ONT ngày 01/2/2018 với tổng hạn mức vay là 80 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31/12/2018, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 03 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này: các xe ô tô tồn kho luân chuyển với giá trị là 95 tỷ đồng, được quy định cụ thể tại hợp đồng thế chấp hàng hoá số 2016/ONT2 ngày 23/11/2016 và số 2018/ONT/TS ngày 01/02/2018. Số dư các khoản vay đến ngày 31/12/2017 là 42.019.782.265 đồng.

(13.1.3) Khoản vay dài hạn do Công ty CP ô tô Nha Trang vay tại chi nhánh Khánh Hòa theo các hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng số 2017/VCB-ONT/XE2 ngày 01/3/2017 với số tiền vay là 1.250.000.000 đồng, thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày giải ngân; lãi suất vay cố định 8%/năm trong 12 tháng đầu tiên. Mục đích vay: mua 01 xe ô tô Ford Explorer biển số 79A-141.21. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản hình thành từ vốn vay, được quy định cụ thể tại hợp đồng thế chấp số 2017/VCB-ONT/TS2 ngày 01/3/2017. Số dư khoản vay đến ngày 31/12/2017 là 935.000.000 đồng, trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 420.000.000 đồng.

- Hợp đồng số 2017/VCB-ONT/XE3 ngày 06/10/2017 với số tiền vay là 1.265.000.000 đồng, thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày giải ngân; lãi suất vay cố định 8.2%/năm trong 12 tháng đầu tiên. Mục đích vay: mua 03 xe ô tô Ford biển số 79A-150.41; 79C-121.71; 79A-156.58. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản hình thành từ vốn vay, được quy định tại hợp đồng thế chấp số 2017/VCB-ONT/TS3 ngày 06/10/2017. Số dư các khoản vay đến ngày 31/12/2017 là 1.160.000.000 đồng, trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 420.000.000 đồng.

(13.2) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Tp.HCM** theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng số 0521/2016/HĐTD1/BVB03 ngày 27/9/2016 và phụ lục số 591/2017/TB-BVB.HCM ngày 26/10/2017 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng, thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng; lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 1003165.A.15.HĐTC.HCM ngày 26/10/2015 và các phụ lục đi kèm; bao gồm hàng hóa (xe ô tô nhãn hiệu Ford) hình thành từ vốn vay, trên cơ sở các đơn đặt hàng hoặc Hợp đồng mua bán với Công ty TNHH Ford Việt Nam; hàng hóa tồn kho mới 100% (xe ô tô nhãn hiệu Ford), có thời gian lưu kho không quá 12 tháng từ ngày Công ty TNHH Ford Việt Nam xuất bán đến ngày Ngân hàng Bảo Việt nhận làm tài sản thế chấp. Khoản vay này do Công ty CP City Auto vay. Số dư các khoản vay đến ngày 31/12/2017 là 83.428.977.400 đồng;

- Hợp đồng số 0114/2017/HĐTD1/BVB03 ngày 17/3/2017, hạn mức vay: 100 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng tồn kho xe ô tô Ford nguyên chiếc mới 100% mua từ Công ty TNHH Ford Việt Nam, xe có sẵn trong kho hoặc/và xe hình thành từ vốn vay. Khoản vay này do Công ty CP ô tô Phú Mỹ vay. Số dư các khoản vay đến ngày 31/12/2017 là 77.635.000.000 đồng.

(13.3) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Quân đội** theo hợp đồng số 10093.17.110.2711499.TD ngày 22/6/2017 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng và hạn mức bảo lãnh là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức đến ngày 31/5/2018; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa được quy định tại hợp đồng thế chấp hàng hóa số 6331.17.110.11499.BĐ ngày 22/6/2017 và các phụ lục thế chấp từng lần phát sinh. Khoản vay này do Công ty CP City Auto vay. Số dư các khoản vay đến ngày 31/12/2017 là 56.542.926.500 đồng.

(13.4) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM** theo hợp đồng tín dụng số 022.HĐTD2-VIB880.16 ngày 26/12/2016 với tổng hạn mức vay là 50 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 26/12/2017, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 06 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là xe ô tô du lịch, xe bán tải hiệu Ford mới hình thành từ vốn vay VIB và/hoặc lô xe ô tô du lịch, xe bán tải hiệu Ford mới thuộc sở hữu của bên vay. Khoản vay này do Công ty CP City Auto vay. Số dư các khoản vay đến ngày 31/12/2017 là 34.092.143.000 đồng.

(13.5) Vay ngắn hạn **Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh 04 TP.HCM** theo hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2017- HĐCVHM/NHCT908- PHUMYFORD ngày 23/12/2017 với tổng hạn mức vay là 30 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 06 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa chi tiết theo hợp đồng thế chấp hàng hóa số 01/2016-HĐTC HH/NHCT908- PHUMYFORD ngày 21/12/2016 và hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 01/2016- HĐTCQTS/NHCT908-PHUMYFORD ngày 21/12/2016. Khoản vay này do Công ty CP ô tô Phú Mỹ vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2017 là 10.377.438.724 đồng.

(13.6) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - chi nhánh Hòa Bình** theo hợp đồng số 1007-LAV-201701434 ngày 22/12/2017 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 03 tháng, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 187/EIB.HB-KHDN/TC/2017 ngày 22/12/2017 và các phụ lục đi kèm; bao gồm các xe ô tô Ford mới 100% thuộc sở hữu của bên vay. Khoản vay này do Công ty CP City Auto vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2017 là 22.906.412.000 đồng.

(13.7) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Sài Gòn** theo hợp đồng cho vay hạn mức số SME/EPL/17/0062/HDHM ngày 07/7/2017 với tổng hạn mức vay là 70 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 06 tháng, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là xe ô tô Ford mới 100% hình thành từ vốn vay mua từ Công ty TNHH Ford Việt Nam. Khoản vay này do Công ty CP ô tô Phú Mỹ vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2017 là 42.171.115.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

	Năm 2017	Năm 2016
14. Quỹ khen thưởng phúc lợi		
Số dư đầu năm	1.225.591.223	752.466.025
Tăng do trích quỹ	1.452.653.400	629.675.198
Giảm do chi quỹ	(171.400.000)	(156.550.000)
Tăng/(giảm) khác	150.000.000	-
Số dư cuối năm	2.656.844.623	1.225.591.223

15. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2016	Tăng	Giảm	31/12/2016
- Vốn góp của chủ sở hữu	180.000.000.000	-	-	180.000.000.000
- Quỹ khác	62.741.577	354.813.856	9.855.940	407.699.493
- Quỹ Đầu tư phát triển	1.885.396.603	1.259.350.396	9.855.940	3.134.891.059
- LNST chưa phân phối	12.132.984.384	27.035.497.675	11.219.199.600	27.949.282.459
Cộng	194.081.122.564	28.649.661.927	11.238.911.480	211.491.873.011

	01/01/2017	Tăng	Giảm	31/12/2017
- Vốn góp của chủ sở hữu	180.000.000.000	-	-	180.000.000.000
- Quỹ khác	407.699.493	734.606.220	20.405.728	1.121.899.985
- Quỹ Đầu tư phát triển	3.134.891.059	2.905.306.802	20.405.728	6.019.792.133
- LNST chưa phân phối	27.949.282.459	22.708.206.543	23.041.552.100	27.615.936.902
Cộng	211.491.873.011	26.348.119.565	23.082.363.556	214.757.629.020

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	27.949.282.459	12.132.984.384
- Lợi nhuận phát sinh trong năm	22.708.206.543	27.035.497.675
- Chia cổ tức	(18.000.000.000)	(9.000.000.000)
- Trích quỹ Đầu tư và phát triển	(2.905.306.802)	(1.259.350.396)
- Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	(734.606.220)	(354.813.856)
- Trích quỹ Khen thưởng và phúc lợi	(1.452.653.400)	(629.675.198)
- Tăng/(giảm) khác	51.014.322	24.639.850
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	27.615.936.902	27.949.282.459

c) Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 180.000.000.000 đồng tương đương 18.000.000 Cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/Cổ phần.

Cổ phiếu	Năm 2017	Năm 2016
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.000.000	18.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.000.000	18.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	18.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.000.000	18.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	18.000.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

16. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Vốn góp của cổ đông không kiểm soát	14.500.000.000	14.500.000.000
+ Lợi nhuận chia cho cổ đông không kiểm soát	956.299.846	933.461.164
+ Chi cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	(242.222.839)	(87.955.533)
+ Trích lập các quỹ	(16.027.143)	(5.824.278)
Cộng	15.198.049.864	15.339.681.353

17. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nợ khó đòi đã xử lý	5.356.110.813	5.356.110.813

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2017	Năm 2016
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hoá	3.402.449.272.398	3.094.137.273.864
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	162.540.489.982	152.590.951.927
Cộng	3.564.989.762.380	3.246.728.225.791

Các khoản giảm trừ

Hàng bán bị trả lại	10.298.300.922	10.417.022.326
Giảm giá hàng bán	22.735.282	32.747.840
Cộng doanh thu thuần	3.554.668.726.176	3.236.278.455.625

Chi tiết doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán xe	3.217.326.166.396	3.040.581.030.084
Doanh thu bán phụ tùng	54.062.887.984	43.106.473.614
Doanh thu cung cấp dịch vụ	158.734.482.761	149.321.462.457
Doanh thu khác	3.806.007.221	3.269.489.470
Cộng	3.433.929.544.362	3.236.278.455.625

b) Doanh thu đối với các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	62.727.922.773	1.145.512.439

2. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2017	Năm 2016
- Giá vốn xe đã bán	3.153.360.033.564	2.927.430.199.525
- Giá vốn hàng hóa đã bán	42.563.790.659	35.634.539.231
- Giá vốn dịch vụ cung cấp	90.018.445.672	91.383.079.582
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (hoàn nhập)	(1.093.837.499)	(833.415.723)
Cộng	3.284.848.432.396	3.053.614.402.615

3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2017	Năm 2016
- Lãi tiền gửi ngân hàng	27.423.421	54.333.160
Cộng	27.423.421	54.333.160

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

	Năm 2017	Năm 2016
4. Chi phí tài chính		
- Chi phí lãi vay	23.338.134.799	14.266.742.418
Cộng	23.338.134.799	14.266.742.418
5. Chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân viên	42.043.032.719	42.379.315.979
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.288.897.890	1.555.898.825
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.517.470.153	25.598.549.132
- Chi phí bằng tiền khác	48.467.005.260	43.010.000.779
Cộng	110.316.406.022	112.543.764.715
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý	16.775.361.067	18.572.045.075
- Chi phí khấu hao TSCĐ	4.887.288.289	3.008.730.535
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.379.158.091	18.407.183.007
- Chi phí bằng tiền khác	5.657.762.401	7.254.346.300
Cộng	52.699.569.848	47.242.304.917
7. Thu nhập khác		
- Lãi từ việc thanh lý tài sản cố định	215.840.124	-
- Thu hỗ trợ chi phí tổ chức sự kiện từ Ford Việt Nam	45.576.012.996	23.581.628.646
- Xử lý công nợ lâu năm	6.272.032.400	-
- Hỗ trợ chi phí hoạt động	4.089.455.829	-
- Thu nhập khác	3.126.114.892	786.763.245
Cộng	59.279.456.241	24.368.391.891
8. Chi phí khác		
- Lỗ từ việc thanh lý tài sản cố định	241.696.999	384.054.306
- Chi phí xử lý nợ không thu hồi được	1.729.193	450.705.072,00
- Chi phí khác	172.420.546	627.057.435
Cộng	415.846.738	1.461.816.813
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí/(hoàn nhập) thuế TNDN hiện hành - Công ty CP City Auto	425.701.902	2.677.954.322
- Chi phí thuế TNDN hiện hành - Công ty CP ô tô Phú Mỹ	716.661.275	1.352.598.943-
- Chi phí thuế TNDN hiện hành - Công ty CP ô tô Nha Trang	-	65.446.828
Cộng	1.142.363.177	4.096.000.093

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

	Năm 2017	Năm 2016
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.731.045.225	27.872.074.924
Trong đó:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	22.838.682	836.577.249
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	22.708.206.543	27.035.497.675
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.406.678.845)	(1.452.653.400)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ	21.301.527.698	25.582.844.275
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	18.000.000	18.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.183	1.421
11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm 2017	Năm 2016
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	3.263.880.515.684	3.034.031.063.540
- Chi phí nhân công	63.404.476.594	78.926.207.588
- Chi phí khấu hao	7.727.483.042	5.103.771.146
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.964.352.410	51.079.603.799
- Chi phí khác	50.887.580.536	44.259.826.174
Cộng	3.447.864.408.266	3.213.400.472.247

VII. Những thông tin khác**1. Thông tin về các bên liên quan****a/ Các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Công ty mẹ
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

b/ Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Trong năm tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	62.727.922.773
		Mua hàng hóa	70.248.639.044
		Nhận cung cấp dịch vụ	20.250.510.707
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát		Lương và thù lao	2.002.923.536

Số dư phải thu/ (phải trả) đối với các bên liên quan đến ngày kết thúc năm tài chính:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Công ty mẹ	Phải thu	134.180.221.526
		Phải thu ký quỹ	42.434.102.400
		Phải trả	(10.021.011.407)

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Thông tin về Báo cáo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh: bộ phận kinh doanh xe, bộ phận dịch vụ sửa chữa, bộ phận kinh doanh phụ tùng, phụ kiện.

a. Báo cáo bộ phận năm 2017

Chỉ tiêu	Kinh doanh xe	Dịch vụ sửa chữa	Kinh doanh phụ tùng	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	3.217.326.166.396	162.540.489.982	54.062.887.984	3.433.929.544.362
2. Giá vốn hàng bán	3.153.360.033.564	90.018.445.672	41.469.953.160	3.284.848.432.396
3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	63.966.132.832	72.522.044.310	12.592.934.824	149.081.111.966
4. Tài sản bộ phận	208.281.707.732	2.284.535.519	42.170.379.776	252.736.623.027
5. Tài sản không phân bổ				536.896.946.768
Tổng tài sản				789.633.569.795
6. Nợ phải trả bộ phận		-	-	-
7. Nợ phải trả không phân bổ				789.633.569.795
Tổng nợ phải trả				789.633.569.795

b. Báo cáo bộ phận năm 2016

Chỉ tiêu	Kinh doanh xe	Dịch vụ sửa chữa	Kinh doanh phụ tùng	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	3.040.581.030.084	152.590.951.927	43.106.473.614	3.236.278.455.625
2. Giá vốn hàng bán	2.927.430.199.525	91.383.079.582	34.801.123.508	3.053.614.402.615
3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	113.150.830.559	61.207.872.345	8.305.350.106	182.664.053.010
4. Tài sản bộ phận	232.248.073.255	1.812.968.080	36.630.418.368	270.691.459.703
5. Tài sản không phân bổ				408.837.208.893
Tổng tài sản				679.528.668.596
6. Nợ phải trả bộ phận		-	-	-
7. Nợ phải trả không phân bổ				679.528.668.596
Tổng nợ phải trả				679.528.668.596

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu công ty cổ phần và các cổ đông cá nhân.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí).

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Số liệu về các loại công cụ tài chính:

Tài sản tài chính	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và tương đương tiền	13.102.604.317	9.082.072.979	13.102.604.317	9.082.072.979
Phải thu khách hàng	153.709.892.251	171.669.032.026	153.709.892.251	171.669.032.026
Trả trước cho người bán	13.675.423.862	11.850.840.487	13.675.423.862	11.850.840.487
Phải thu khác	228.889.771.828	76.879.528.734	228.889.771.828	76.879.528.734
Cộng	409.377.692.258	269.481.474.226	409.377.692.258	269.481.474.226

Công nợ tài chính	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	35.248.801.197	35.951.168.037	35.248.801.197	35.951.168.037
Người mua trả tiền trước	12.151.559.586	17.382.597.193	12.151.559.586	17.382.597.193
Vay ngắn và dài hạn	491.101.078.889	370.919.050.111	491.101.078.889	370.919.050.111
Phải trả người lao động	3.790.890.880	7.861.633.544	3.790.890.880	7.861.633.544
Chi phí phải trả	2.140.755.196	1.342.410.298	2.140.755.196	1.342.410.298
Các khoản phải trả khác	11.148.943.303	13.146.621.579	11.148.943.303	13.146.621.579
Cộng	555.582.029.051	446.603.480.762	555.582.029.051	446.603.480.762

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày lập báo cáo do Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về đánh giá hàng hóa), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của đồng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá hàng hóa. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có các giao dịch ngoại tệ nên Ban giám đốc tin tưởng rủi ro tỷ giá là không có.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có các chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản để hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát. Chính sách của công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

4. Số liệu so sánh

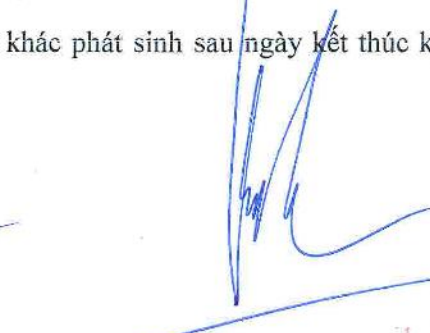
- Số liệu đầu năm trên bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2016 bởi công ty kiểm toán khác.
- Số liệu của báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm trước lấy từ báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2016 bởi công ty kiểm toán khác.

5. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.



Võ Chí Tâm
Người lập biểu
Ngày 01 tháng 3 năm 2018



Lê Thị Phú
Giám đốc tài chính



Trần Trung Chánh
Tổng Giám đốc